

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08-12-2022
V/v không công nhận vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Lương.

2. Ông Đặng Minh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Anh Đào – Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TY tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 08-12-2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2022/TLST-HNGĐ ngày 01-11-2022 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23-11-2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Giàng Thị S, sinh năm 1991. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn ĐR, xã KT, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

2. *Bị đơn:* Anh Cháng A L, sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn ĐR, xã KT, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18-10-2022, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Giàng Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị S và anh Cháng A L xây dựng gia đình theo phong tục tập quán và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, giữa chị S và anh L xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hòa thuận. Nguyên nhân là do anh L không chú tâm làm ăn phát triển kinh tế, xây dựng hạnh phúc gia đình mà thường xuyên tụ tập uống rượu say về nhà mắng chửi. Anh L còn đánh bạc mất tiền và có những hành vi bạo lực tinh thần, bạo lực kinh tế trong gia đình. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L không thay đổi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm

2022. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện TY giải quyết cho chị được ly hôn anh Cháng A L.

Về con chung: Chị Giàng Thị S và anh Cháng A L có một con chung là Cháng A H, sinh ngày 26-8-2010. Chị S có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 08-11-2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Cháng A L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L công nhận việc anh và chị Giàng Thị S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 đến nay chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, không có mâu thuẫn nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, anh L thường đi làm xa nên vợ chồng dần xa cách về tình cảm. Nay anh L xác định tình cảm với chị Giàng Thị S vẫn còn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về sống đoàn tụ.

Về con chung: Anh Cháng A L và chị Giàng Thị S có một con chung là Cháng A H, sinh ngày 26-8-2010. Nếu chị S kiên quyết không muốn tiếp tục chung sống, anh L có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị S cấp dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TY đã tiến hành hòa giải về con chung, các đương sự đã thống nhất thỏa thuận để anh Cháng A L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng, chị S không cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng đủ người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp và nội dung tranh tụng tại phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 của UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị S và anh Cháng A L.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Cháng A H, sinh ngày 26-8-2010 cho anh Cháng A L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Cháng A L có đăng ký hộ khẩu tại Thôn ĐR, xã KT, huyện TY, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Tại đơn đề nghị ngày 23-11-2022 của chị Giàng Thị S có xác nhận của địa phương cho thấy từ năm 2009 đến ngày 23-11-2022, chị Giàng Thị S và anh Cháng A L chung sống nhưng không đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung xác nhận của địa phương phù hợp với nội dung tự khai của chị S, anh L. Như vậy xác định chị Giàng Thị S (sinh năm 1991) và anh Cháng A L (sinh năm 1990) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Pháp luật. Quá trình chung sống giữa hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nay chị Giàng Thị S đề nghị Tòa án nhân dân huyện TY giải quyết cho chị được ly hôn anh Cháng A L là không có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Nhưng xét thấy việc anh chị chung sống như vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra, do đó việc tiếp tục chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị S và anh L không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Không công nhận chị Giàng Thị S và anh Cháng A L là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, chị Giàng Thị S và anh Cháng A L có một con chung là Cháng A H, sinh ngày 26-8-2010 có nguyện vọng được sống với bố. Căn cứ Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét bị đơn anh Cháng A L có nguyện vọng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của cháu H và phù hợp với lời trình bày của chị S khi Tòa án tiến hành hòa giải về con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cháu Cháng A H cho anh Cháng A L nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét thấy anh L không yêu cầu chị Scáp dưỡng nuôi con, chị S cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Chị Giàng Thị S và anh Cháng A L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản và nợ chung.

[5] *Về án phí*: Chị Giàng Thị S phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/ TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Giàng Thị S và anh Cháng A L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Cháng A H, sinh ngày 26-8-2010 cho anh Cháng A L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Giàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Giàng Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001998 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Yên Bái ngày 31-10-2022.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã KT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Phương

